

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/DS-ST
Ngày: 09/9/2021
V/v Tranh chấp hợp đồng dân
sự, vay tài sản.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Thanh Hùng;
2. Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Quang Khải, Thư ký Toà án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Thịnh, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 09 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 15/2021/TLST-DS ngày 01/02/2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự, vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2021/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 06 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2021/QĐST-DS ngày 21/7/2021 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 86/TB-TA ngày 19/8/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP K (viết tắt Ngân hàng); Địa chỉ trụ sở: đường P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP K – Phòng giao dịch Tân Châu (Quyết định ủy quyền số 1395/QĐ-NHKL ngày 29/06/2020).

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1998; Địa chỉ: ấp L, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang.

Anh N, có mặt; Chị M vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 20/01/2021 của Ngân hàng TMCP K, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn anh Lê Thanh N trình bày:

Ngân hàng TMCP K có cho chị Nguyễn Thị M vay số tiền 10.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng kiêm Hợp đồng cầm cố số A1043994/HĐTD-CC ngày 14/05/2020; thời hạn vay 180 ngày; ngày giải ngân 14/05/2020, ngày đến hạn 11/11/2020; mục đích vay mua bán; lãi suất cho vay 16%/năm (lãi gộp); lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Hình thức thanh toán trả gốc + lãi hàng ngày, mỗi ngày 59.934 đồng, ngày cuối 60.934 đồng.

Để đảm bảo cho số tiền vay, chị Nguyễn Thị M đã cầm cố tài sản là: 01 xe mô tô, nhãn hiệu HONDA, loại WAVE, dung tích xi lanh 109, màu xanh đen bạc, số máy: JA39E0915787, số khung: RLHJA3919KY059776, biển kiểm soát 67H1-615.78, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 049256 do Công an thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp ngày 26/02/2019 đứng tên Nguyễn Thị M.

Trong quá trình vay vốn, chị Nguyễn Thị M thanh toán nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng kiêm Hợp đồng cầm cố số A1043994/HĐTD-CC ngày 14/05/2020 tính đến ngày 22/08/2020 với số tiền 6.650.000 đồng, trong đó nợ gốc 6.211.644 đồng, lãi trong hạn 438.365 đồng.

Sau khi đến hạn trả nợ, đã nhiều lần Ngân hàng liên hệ thông báo và đôn đốc, nhưng Chị M không thực hiện trả tiền cho Ngân hàng.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị M có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi (tính từ ngày 22/08/2020 đến ngày 09/09/2021) là 4.891.315 đồng (trong đó vốn gốc 3.788.356 đồng, lãi trong hạn 350.685 đồng, lãi quá hạn 752.274 đồng) và tiền lãi phát sinh theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng từ ngày 09/09/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vay.

Duy trì duy trì Hợp đồng tín dụng kiêm Hợp đồng cầm cố A1043994/HĐTD-CC ngày 14/05/2020 được ký kết giữa Ngân hàng với chị Nguyễn Thị M để đảm bảo cho việc thi hành án.

Kèm theo đơn khởi kiện, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cung cấp các tài liệu, chứng cứ: Bản sao Quyết định ủy quyền số 1395/QĐ-NHKL ngày 29/06/2020; Bản tự khai; Giấy ủy quyền số 02/UQ-PGDTCh ngày 20/01/2021; Hợp đồng tín dụng kiêm Hợp đồng cầm cố số A1043994/HĐTD-CC ngày 14/05/2020 (photo, đã đối chiếu bản chính); Quyết định số 334/QĐ-HĐQT ngày 18/9/2020 (photo, đã đối chiếu bản chính); Bảng kê tính lãi theo hợp đồng; Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ (photo, đã đối chiếu bản chính); Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 049256 (bản sao); Giấy CMND và sổ hộ khẩu của Chị M (photo) và Bảng kê tính lãi theo hợp đồng ngày 09/09/2021 (tại phiên tòa).

Những tài liệu trong quá trình giải quyết vụ án đã thu thập:

- Phiếu trả lời kết quả xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 10/05/2021 của Công an thị xã Tân Châu: 01 xe mô tô, loại xe 02 bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu HONDA, loại WAVE, dung tích xi lanh 109, màu xanh đen bạc, số máy: JA39E0915787, số khung: RLHJA3919KY059776, biển kiểm

soát 67H1-615.78, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 049256 do Công an thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp ngày 26/02/2019 đứng tên Nguyễn Thị M.

- Biên bản xác minh Công an A, thị xã T: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1998 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà ấp L, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang. Hiện nay, Chị M còn sinh sống tại địa phương.

- Chị Nguyễn Thị M khai: Chị M nhận được tất cả các văn bản tố tụng do Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu tổng đạt (ông Nguyễn Duy T nhận thay) nhưng Chị M bận công việc nên không đến Tòa án được. Chị M có vay của Ngân hàng TMCP K số tiền 10.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng kiêm cầm cố số A1043993/HĐTD-CC ngày 14/5/2020, thời hạn vay 180 ngày, giải ngân ngày 14/5/2020, ngày đến hạn 11/11/2020, mục đích vay mua bán, lãi suất vay 16%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, hình thức thanh toán trả mỗi ngày 59.934 đồng, ngày cuối 60.934 đồng. Chị M đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 6.650.000 đồng, trong đó nợ gốc 6.211.644 đồng, lãi trong hạn 438.365 đồng. Chị M xác nhận còn nợ Ngân hàng vốn gốc 3.788.356 đồng và tiền lãi. Vì dịch bệnh không đi làm được nên Chị M không trả vốn và lãi cho Ngân hàng được. Chị M yêu cầu được trả 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi hoàn thành khoản nợ vay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt các loại văn bản tố tụng đúng quy định nhưng Chị M không đến Tòa án làm việc nên không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tiến hành tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử trực tiếp cho Chị M, niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa (do Chị M từ chối nhận), tổng đạt Thông báo thay đổi thời gian xét xử qua điện bưu điện nhưng Chị M vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử đúng pháp luật. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không lý do, Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn phù hợp tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án, Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố giữa Ngân hàng TMCP K với chị Nguyễn Thị M được ký kết trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, do Chị M vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ vốn và lãi đến hạn theo hợp đồng đã ký kết. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Chị M thanh toán số tiền 4.891.315 đồng (trong đó vốn gốc 3.788.356 đồng,

lãi trong hạn 350.685 đồng, lãi quá hạn 752.274 đồng và tiền lãi phát sinh theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng từ ngày 09/09/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vay và yêu cầu duy trì tài sản cầm cố giữa Ngân hàng TMCP K với Chị M để đảm bảo thu hồi nợ là có căn cứ.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần K.

Buộc chị Nguyễn Thị M có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần K: Vốn gốc: 3.788.356 đồng, lãi trong hạn 350.685 đồng, lãi quá hạn 752.274 đồng (tạm tính đến ngày 09/09/2021).

Duy trì duy trì Hợp đồng tín dụng kiêm Hợp đồng cầm cố A1043993/HĐTD-CC ngày 14/5/2020 được ký kết giữa Ngân hàng với chị Nguyễn Thị M để đảm bảo cho việc thi hành án.

Về án phí: Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:**

[1] Thời hiệu khởi kiện: Hợp đồng tín dụng kiêm Hợp đồng cầm cố giữa Ngân hàng với Chị M ký kết ngày 14/5/2020, thời hạn vay 180 ngày, ngày giải ngân 14/5/2020, ngày đến hạn 11/11/2020. Ngày 22/01/2021, Ngân hàng khởi kiện là còn thời hiệu tại Điều 429 Bộ luật dân sự.

[2] Thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn có khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự, vay tài sản (hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố) với bị đơn là chị Nguyễn Thị M, nơi cư trú: Ấp L, xã A, thị xã T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý giải quyết.

[3] Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn chị Nguyễn Thị M được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn như theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*** Về nội dung:**

[1] Hợp đồng tín dụng kiêm Hợp đồng cầm cố số A1043993/HĐTD-CC ngày 14/5/2020 giữa Ngân hàng TMCP K với chị Nguyễn Thị M được lập thành văn bản và ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng không trái quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng.

[2] Vốn vay: Ngân hàng đã thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng và giải ngân, Chị M vay và nhận 10.000.000 đồng. Sau khi vay, Chị M thanh toán nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 22/8/2020 với số tiền 6.650.000 đồng, trong đó nợ gốc 6.211.644 đồng, lãi trong hạn 438.365 đồng. Ngân hàng yêu cầu Chị M phải trả nợ gốc 3.788.356 đồng là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự. Xét, chấp nhận.

[3] Tiền lãi: Hợp đồng tín dụng kiêm Hợp đồng cầm cố số A1043993/HĐTD-CC ngày 14/5/2020, Ngân hàng và Chị M đã có thỏa thuận về mức lãi suất, cách tính lãi, ngày thanh toán tiền lãi và trường hợp chuyển nợ quá hạn. Cụ thể: Lãi suất cho vay 16%/năm (lãi gộp); lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Theo quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*. Việc thỏa thuận mức lãi suất, cách tính lãi suất nêu trên do Ngân hàng và Chị M tự thỏa thuận đã được thực hiện đúng quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và sự thỏa thuận giữa các đương sự phù hợp theo quy định tại Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ngân hàng yêu cầu Chị M phải thanh toán nợ lãi 1.102.959 đồng (lãi trong hạn 350.685 đồng, lãi quá hạn 752.274 đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố từ ngày 09/09/2021 cho đến khi thanh toán xong nợ vay (có bảng kê chi tiết tính lãi của Ngân hàng đối với khoản nợ của Chị M). Xét, chấp nhận.

[4] Buộc chị Nguyễn Thị M phải có trách nhiệm trả vốn gốc và tiền lãi cho Ngân hàng, cụ thể:

- Tiền lãi: 1.102.959 (một triệu một trăm lẻ hai nghìn chín trăm năm mươi chín) đồng (lãi trong hạn 350.685 đồng, lãi quá hạn 752.274 đồng) (tính từ ngày 22/08/2020 đến ngày 09/09/2021);

- Vốn gốc: 3.788.356 (ba triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn ba trăm năm mươi sáu) đồng.

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết

định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay”.

Chị M yêu cầu được trả nợ gốc và lãi suất cho Ngân hàng 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi dứt nợ là không đảm bảo quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn, xét không chấp nhận.

Tuy nhiên, cách trả sẽ được xem xét ở giai đoạn thi hành án.

[5] Về tài sản cầm cố: Để đảm bảo cho khoản vay, Chị M đã cầm cố 01 xe mô tô, loại xe 02 bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu HONDA, loại WAVE, dung tích xi lanh 109, màu xanh đen bạc, số máy: JA39E0915787, số khung: RLHJA3919KY059776, biển kiểm soát 67H1-615.78, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 049256 do Công an thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp ngày 26/02/2019 đứng tên Nguyễn Thị M (Hợp đồng tín dụng kiêm Hợp đồng cầm cố số A1043993/HĐTD-CC ngày 14/5/2020 được ký kết giữa Ngân hàng với Chị M) theo quy định tại Điều 309 Bộ luật dân sự.

Ngân hàng yêu cầu duy trì hợp đồng cầm cố để đảm bảo thi hành án là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 314 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Xét, chấp nhận.

[6] Án phí: Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Theo quy định khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

[7] Quyền kháng cáo bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 309, khoản 2 Điều 314, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91; khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần K về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự, vay tài sản” đối với chị Nguyễn Thị M;

Buộc chị Nguyễn Thị M có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần K:

- Tiền lãi: 1.102.959 (một triệu một trăm lẻ hai nghìn chín trăm năm mươi chín) đồng (lãi trong hạn 350.685 đồng, lãi quá hạn 752.274 đồng) (tính từ ngày 22/08/2020 đến ngày 09/09/2021);

- Vốn gốc: 3.788.356 (ba triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn ba trăm năm mươi sáu) đồng.

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay”.

Duy trì Hợp đồng tín dụng kiêm Hợp đồng cầm cố số A1043993/HĐTD-CC ngày 14/5/2020 được ký kết giữa Ngân hàng với chị Nguyễn Thị M.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai số TU/2019/0006606 ngày 29 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Ngân hàng có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của Chị M là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TX. Tân Châu (02);
- Chi cục THADS TX. Tân Châu (01);
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (01);
- Lưu văn phòng (2);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dương

